TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NT **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 199/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 21/9/2017
V/v: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lâm Vương Mỹ Linh**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mộng Lành**
Ông Ngô Tiến Thành
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Phạm Văn Tuân** - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. NT.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 667/2017/ HNGĐ/ST ngày 15/6/2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Lâm Thị Kim L** - sinh năm: 1986
Địa chỉ: Tổ 4, NH, Phường NH, Thành phố NT, tỉnh KH
Có mặt tại phiên tòa.

*** *Bị đơn:*** Ông **Võ Lâm B** - sinh năm: 1978
Địa chỉ: Thôn XL, Xã VN, Thành phố NT, tỉnh KH
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Võ Lâm B tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VN, thành phố NT. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, không thống nhất quan điểm sống, ông B thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Lâm B.

Về con chung: Bà và ông B có một con chung là cháu Võ Như Y. – sinh ngày 11/10/2013. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Y. cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Lâm B theo quy định của pháp luật nhưng ông B vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt là vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và coi như từ bỏ quyền có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lâm Thị Kim L được ly hôn ông Võ Lâm B. Về con chung, đề nghị giao cháu Võ Như Y. cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông B vì bà L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thành phố NT đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng ông Võ Lâm B vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Vì vậy căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ Lâm B.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Bà Lâm Thị Kim L và ông Võ Lâm B tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã VN, thành phố NT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 04/3/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà Lâm Thị Kim L, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Võ Lâm B có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Bà L nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, tình trạng gia đình căng thẳng khiến cho nhiều tháng qua bà L và ông B không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà L và ông B có một con chung là cháu Võ Như Y. – sinh ngày 11/10/2013. Hiện nay cháu Võ Như Y. đang sống cùng với bà Lâm Thị Kim L. Xét yêu cầu của bà L về việc xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B đóng góp cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bà L và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Bà Lâm Thị Kim L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 110, điều 116, điều 117, điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lâm Thị Kim L được ly hôn ông Võ Lâm B.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Võ Như Y. - sinh ngày 11/10/2013 cho bà Lâm Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Ông Võ Lâm B tạm thời không phải đóng góp cho bà Lâm Thị Kim L tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Lâm B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Bà Lâm Thị Kim L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006941 ngày 15/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn – bà Lâm Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn – ông Võ Lâm B được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Vương Mỹ Linh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KH*
- *VKSND TpNT*
- *THADS Tp.NT*
- *UBND xã VN, NT*
- *Các đương sự*
- *L- u hồ sơ, án văn.*